

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Trụ sở văn phòng : 156-158 Phố Quang, phường 9, quận Phú Nhuận, Tp.HCM  
Tel : +84 (28) 3999 00 91~97 Fax : +84 (28) 3999 00 90  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN**

## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 60





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty (bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn - Công ty mẹ và Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn - Công ty con) (sau đây gọi chung là "Tập đoàn").

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thương Mại - Đầu Tư - Tổng Hợp Hóc Môn, theo Quyết định số 7508/QĐ-UB, ngày 14 tháng 11 năm 2001, của Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh về việc chuyển Công ty Thương Mại - Đầu Tư - Tổng Hợp Hóc Môn thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000761 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2001; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0302481483 thay đổi lần 9 ngày 17 tháng 3 năm 2017 về tăng vốn điều lệ từ 105.000.000.000 đồng lên 110.000.000.000 đồng.

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty niêm yết trên sàn HNX.  
 Mã chứng khoán HTC.

Vốn điều lệ : 110.000.000.000 đồng.

### 2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 53/1D, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.  
 Điện thoại : + 84-(28) 3891 5294 – 3891 3942  
 Fax : + 84- (28) 3891 0457

### 3. Cấu trúc Tập đoàn

#### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn	Số 179 ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.	Cho thuê mặt bằng chợ, cho thuê văn phòng, kho, kiốt,...	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

#### Các công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn	Số 179 Ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt chi tiết: giết mổ gia súc (không hoạt động tại trụ sở),...	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Cửa hàng xăng dầu Số 01	7A1 QL22, ấp 2, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
2	Cửa hàng xăng dầu Số 02 Đông Thạnh	3/35H Đặng Thúc Vịnh, ấp 1, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
3	Cửa hàng xăng dầu Số 03	19 Lê Lợi, khu phố 4, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
4	Cửa hàng xăng dầu Thị Trấn	88 Bà Triệu, khu phố 1, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
5	Cửa hàng xăng dầu Trung Mỹ Tây	2 Tô Ký, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
6	Cửa hàng xăng dầu Tân Xuân	1/2 Quốc lộ 22, ấp Chánh, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
7	Cửa hàng xăng dầu Tân Chánh Hiệp	2/7 A, Đường Tô Ký, Khu phố 2, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp.HCM
8	Cửa hàng xăng dầu Thới Tam Thôn	30/4 Tô Ký, ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
9	Cửa hàng xăng dầu Lam Sơn	30F QL 22, ấp Thống Nhất 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
10	Cửa hàng xăng dầu Bà Điểm 2	14/1B Phan Văn Hớn, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
11	Cửa hàng xăng dầu Tân Hiệp 2	Đường Đỗ Văn Dậy, ấp Tân Hòa, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
12	Cửa hàng xăng dầu Số 03 Đông Thạnh	Số 656 Lê Văn Khương, ấp 5, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
13	Cửa hàng ăn uống Hương Cau	3/27 Quốc lộ 22, Thị Trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, TP.HCM
14	Cửa hàng An Khang	Số 2 Tô Ký, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
15	Cửa hàng Phú Mỹ	Số 126 Trường Trinh, Lạc Quang, phường Tân Thới Nhất, quận 12, Tp.HCM

**4. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn và bán lẻ hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông hải sản;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ sinh hoạt, dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh, cung ứng vật tư kỹ thuật: xăng dầu, nhớt, mỡ công nghiệp, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị phụ tùng nông nghiệp, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh hàng nông lâm thủy hải sản, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, hàng mỹ nghệ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà trọ;
- Xuất khẩu máy móc, thiết bị, vật tư nguyên nhiên liệu, hàng hóa;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông công chánh) và kinh doanh nhà;
- Mua bán vật tư bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phương tiện vận tải đường bộ;
- Vận tải xăng dầu đường bộ;



- Karaoke;
- Giết mổ gia súc;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho, ki-ốt; Kinh doanh bất động sản.

## 5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

### 5.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Mỹ	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Phó Chủ tịch		
Ông Tô Văn Liêm	Thành viên		
Ông Kiều Công Tâm	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	24/4/2019	
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên		
Ông Nguyễn Danh Hùng	Thành viên		
Ông Hoàng Tâm Hòa	Thành viên		24/4/2019

### 5.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Tèo	Trưởng ban		
Ông Trần Công Tâm	Thành viên		
Bà Lại Thị Thanh Phương	Thành viên		

### 5.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Mỹ	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Tô Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Kiều Công Tâm	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Bùi Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Phan Thị Hồng Phúc	Kế toán trưởng		

## 6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Văn Mỹ – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

## 7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 09 đến trang 60.

## 8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## 10. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



## 11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP.HCM ngày 21 tháng 02 năm 2020



LÊ VĂN MỸ

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

128  
ÔNG  
NHIỆ  
OÁN  
UÂN  
TP.

Số: 2028/20/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn và Công ty con là Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2020 (từ trang 09 đến trang 60), bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 02 năm 2020.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



ThS. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN số 1523-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Nga - Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN số 0351-2018-071-1

### Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>135.375.582.323</b>	<b>218.357.177.670</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>20.234.941.727</b>	<b>44.176.523.011</b>
111	1. Tiền		7.234.941.727	14.176.523.011
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.000.000.000	30.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>87.755.414.195</b>	<b>100.140.911.174</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	V.2a	33.835	7.742.307.327
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	V.2a	(17.636)	(1.981.396.153)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2b	87.755.397.996	94.380.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>17.363.286.587</b>	<b>65.634.880.520</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	2.459.662.680	55.708.565.460
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	10.124.445.892	6.789.575.265
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	4.779.178.015	3.164.839.795
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	-	(28.100.000)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>7.420.939.526</b>	<b>5.902.027.214</b>
141	1. Hàng tồn kho		7.465.990.955	5.947.078.643
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(45.051.429)	(45.051.429)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.601.000.288</b>	<b>2.502.835.751</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	1.297.066.757	1.193.296.259
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	1.303.933.531	1.309.539.492
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>341.278.438.505</b>	<b>341.634.578.370</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>7.248.541.171</b>	<b>14.497.082.342</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.5b	7.248.541.171	14.497.082.342
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	V.7b	-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>40.388.316.688</b>	<b>24.092.296.898</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	10.647.554.016	10.486.273.898
222	- Nguyên giá		34.046.844.055	32.290.017.328
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(23.399.290.039)	(21.803.743.430)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	29.740.762.672	13.606.023.000
228	- Nguyên giá		32.665.789.534	16.210.028.034
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.925.026.862)	(2.604.005.034)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.11	<b>26.822.412.027</b>	<b>28.045.245.615</b>
231	- Nguyên giá		62.878.653.101	62.878.653.101
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.056.241.074)	(34.833.407.486)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>208.817.422.766</b>	<b>216.153.497.774</b>
241	1. Chi phí dở sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.12	208.777.422.766	199.698.406.274
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	40.000.000	16.455.091.500
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>51.435.787.237</b>	<b>49.381.467.629</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2c	51.435.787.237	49.303.229.287
253	4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2d	878.238.342	878.238.342
254	5. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	V.2c	(878.238.342)	(800.000.000)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.565.958.616</b>	<b>9.464.988.112</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	6.111.579.506	9.010.609.002
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.14	454.379.110	454.379.110
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>476.654.020.828</b>	<b>559.991.756.040</b>



Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>		214.105.613.434	311.158.729.933
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		57.617.723.578	161.482.378.719
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	6.583.355.234	63.290.710.954
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	42.341.050	33.801.050
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	3.628.840.757	3.909.985.691
314	4. Phải trả người lao động	V.18	12.577.679.847	11.911.507.038
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	147.596.210	281.204.299
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20a	116.050.001	232.854.542
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.21a	360.303.762	4.248.418.210
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22	29.480.800.000	72.041.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.23	4.680.756.717	5.532.896.935
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		156.487.889.856	149.676.351.214
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20b	102.815.312.470	102.062.462.238
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.21b	53.459.726.833	46.974.526.833
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.24	212.850.553	639.362.143
400	<b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		262.548.407.394	248.833.026.107
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.25	250.037.910.024	236.322.528.737
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		110.000.000.000	110.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		110.000.000.000	110.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		110.896.734.593	91.629.157.418
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.141.175.431	34.693.371.319
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		119.076.069	758.438.212
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		29.022.099.362	33.934.933.107
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		12.510.497.370	12.510.497.370
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	V.26	12.510.497.370	12.510.497.370
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		476.654.020.828	559.991.756.040

Người lập biểu

LÂM NGỌC THỦY ĐAN

Kế toán trưởng

PHAN THỊ HỒNG PHÚC



LÊ VĂN MỸ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.875.101.679.171	2.448.489.061.532
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	251.748	2.916.081
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.875.101.427.423	2.448.486.145.451
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	1.750.472.190.235	2.323.041.796.311
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.629.237.188	125.444.349.140
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	9.772.558.426	8.946.412.241
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	4.905.773.239	6.000.527.101
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.611.096.588	3.775.123.567
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		2.132.557.950	(1.606.356.579)
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	43.521.701.780	41.584.276.408
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	39.671.137.108	32.640.748.943
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		48.435.741.437	52.558.852.350
31	12. Thu nhập khác	VI.8	229.911.620	82.632.811
32	13. Chi phí khác	VI.9	47.792.986	385.995.989
40	14. Lợi nhuận khác		182.118.634	(303.363.178)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		48.617.860.071	52.255.489.172
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	10.122.272.299	11.535.573.032
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.11	(426.511.590)	(133.107.794)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		38.922.099.362	40.853.023.934
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		38.922.099.362	40.853.023.934
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.12a	2.762	2.922
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.12b	2.762	2.922

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 21 tháng 02 năm 2020.

Tổng Giám đốc

LÂM NGỌC THUYẾT ĐAN

PHAN THỊ HỒNG PHÚC

LÊ VĂN MỸ





## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.930.424.818.746	2.628.762.963.802
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(1.967.624.673.328)	(2.495.537.078.743)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(86.636.629.138)	(81.297.997.311)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.641.227.405)	(3.830.085.245)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(10.555.765.206)	(10.669.660.221)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		226.045.327.708	106.967.008.053
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(51.979.246.613)	(111.247.211.888)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>36.032.604.764</b>	<b>33.147.938.447</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(11.508.666.960)	(3.046.073.590)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		80.454.545	44.081.818
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	V.2b	(72.800.000.000)	(95.721.516.373)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2b	79.424.602.004	112.079.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(10.500.010.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.102.356.548	7.181.500.563
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>2.298.746.137</b>	<b>10.036.982.418</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.22	843.306.077.004	1.255.349.263.374
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.22	(885.866.277.004)	(1.282.319.331.237)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.25	(19.712.732.185)	(11.005.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(62.272.932.185)</b>	<b>(37.975.067.863)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>		<b>(23.941.581.284)</b>	<b>5.209.853.002</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>44.176.523.011</b>	<b>38.966.670.009</b>
61	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	V.1	<b>20.234.941.727</b>	<b>44.176.523.011</b>

Người lập biểu

LÂM NGỌC THUYẾT ĐAN

Kế toán trưởng

PHAN THỊ HỒNG PHÚC

Ngày 21 tháng 02 năm 2020.  
Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HÓC MÔN**  
LÊ VĂN MỸ

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty (bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn - Công ty Mẹ và Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ Đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn – Công ty con) (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”).

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là Thương mại – Dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn và bán lẻ hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, hàng tiêu dùng, nông hải sản;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, dịch vụ sinh hoạt, dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh, cung ứng vật tư kỹ thuật: xăng dầu, nhớt, mỡ công nghiệp, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị phụ tùng nông nghiệp, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh hàng nông lâm thủy hải sản, thực phẩm, tiểu thủ công nghiệp, hàng mỹ nghệ để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà trọ;
- Xuất khẩu máy móc, thiết bị, vật tư nguyên nhiên liệu, hàng hóa;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Xây dựng (dân dụng, công nghiệp, giao thông công chánh) và kinh doanh nhà;
- Mua bán vật tư bảo vệ thực vật, thuốc bảo vệ thực vật, phương tiện vận tải đường bộ;
- Vận tải xăng dầu đường bộ;
- Karaoke;
- Giết mổ gia súc;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, kho, ki-ốt;
- Kinh doanh bất động sản...

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Riêng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.



## 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Các yếu tố ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty trong năm như sau:

- Doanh thu bán xăng dầu năm nay giảm so với năm trước là do:
  - + Công ty chấm dứt hoạt động Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Bà Điểm 01 từ ngày 03 tháng 4 năm 2019;
  - + Công ty giảm 31,30% doanh thu hoạt động kinh doanh bán buôn xăng dầu do hoạt động này chưa hiệu quả.
- Doanh thu kinh doanh bất động sản năm nay tăng do trong năm có chuyển nhượng một số đất nền của dự án KDC Tân Xuân.
- Trong năm, Công ty hoàn nhập Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn do công ty liên kết đã có lợi nhuận.
- Và Công ty chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán.

## 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và chỉ có 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

Số lượng Công ty con hợp nhất: 01 trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### 6a. Thông tin về tài cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, không có trường hợp mua thêm, thanh lý, thoái vốn tại các công ty con.

### 6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con.

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quản lý và Kinh doanh Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn	Số 14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.	Cho thuê mặt bằng chợ, cho thuê văn phòng, kho, kiốt, hoạt động bốc xếp ...	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

### 6c. Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Không có Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

### 6d. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn.	Số 179 Ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt chi tiết: giết mổ gia súc (không hoạt động tại trụ sở),...	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

- 6e. **Danh sách các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Không có các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất
- 6f. **Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**  
 Không có các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- 6g. **Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Không có các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất
- 6h. **Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Cửa hàng xăng dầu Số 01	7A1 QL22, ấp 2, xã Xuân Thới Sơn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
2	Cửa hàng xăng dầu Số 02 Đông Thạnh	3/35H Đặng Thúc Vịnh, ấp 1, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
3	Cửa hàng xăng dầu Số 03	19 Lê Lợi, khu phố 4, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
4	Cửa hàng xăng dầu Thị Trấn	88 Bà Triệu, khu phố 1, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
5	Cửa hàng xăng dầu Trung Mỹ Tây	2 Tô Ký, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
6	Cửa hàng xăng dầu Tân Xuân	1/2 Quốc lộ 22, ấp Chánh, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
7	Cửa hàng xăng dầu Tân Chánh Hiệp	2/7 A, Đường Tô Ký, Khu phố 2, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp.HCM
8	Cửa hàng xăng dầu Thới Tam Thôn	30/4 Tô Ký, ấp Nam Thới, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
9	Cửa hàng xăng dầu Lam Sơn	30F QL 22, ấp Thống Nhất 1, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
10	Cửa hàng xăng dầu Bà Điểm 2	14/1B Phan Văn Hớn, ấp Tiền Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
11	Cửa hàng xăng dầu Tân Hiệp 2	Đường Đỗ Văn Dậy, ấp Tân Hòa, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
12	Cửa hàng xăng dầu Số 03 Đông Thạnh	Số 656 Lê Văn Khương, ấp 5, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
13	Cửa hàng ăn uống Hương Cau	3/27 Quốc lộ 22, Thị Trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn, TP.HCM
14	Cửa hàng An Khang	Số 2 Tô Ký, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Tp.HCM
15	Cửa hàng Phú Mỹ	Số 126 Trường Trinh, Lạc Quang, phường Tân Thới Nhất, quận 12, Tp.HCM



**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 562 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 574 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.**

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



## **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## **3. Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền**

Tập đoàn không phát sinh chiết khấu dòng tiền.

## **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## **5. Các khoản đầu tư tài chính**

### ***Chứng khoán kinh doanh***

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.



Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### **Các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

##### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.



Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
  - + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
  - + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
  - + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.



- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

## 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

## 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

**Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm

## 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20-50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

## 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc



chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Nhà lồng chợ	25 năm
Chi phí san lấp mặt bằng	50 năm
Chi phí đèn bù	20 năm

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Tập đoàn không phát sinh hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại.

## 14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;

## 15. Quỹ lương

Quỹ lương được trích trên cơ sở theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 51/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019.

- Quỹ lương công ty mẹ được trích trên cơ sở tổng quỹ tiền lương trong năm tài chính của công ty được xác định theo công thức: (tổng thu-tổng chi chưa lương) x tỷ lệ 50%.



- Quỹ lương công ty con được xác định theo công thức (tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa lương) x tỷ lệ 67%

## **16. Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **17. Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### ***Doanh thu bán hàng hoá chủ yếu là hàng hóa xăng, dầu,..***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ bốc vác, ...***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### **Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

#### **Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền**

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Tập đoàn đã hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

#### **Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### **Doanh thu chưa thực hiện**

Là tiền lãi chưa thực hiện từ tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### **Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Và khoản giảm trừ doanh thu là khoản thuế tiêu thụ đặc biệt

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

### **19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, Bất động sản đầu tư, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

### **20. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh

### **21. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **22. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận



căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Doanh nghiệp.

### 24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

### 25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 26. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 27. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## 28. Số liệu so sánh

Chỉ tiêu	Số năm trước	Các điều chỉnh	Số năm trước trình bày lại <sup>(*)</sup>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.841	81	2.292
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.841	81	2.292

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại trên Báo cáo tài chính do điều chỉnh lại số tiền trích lập thực tế Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 051/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2019.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chi tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	1.855.055.469	4.340.408.989
1.2	Tiền gửi ngân hàng	5.379.886.258	9.836.114.022
1.3	Các khoản tương đương tiền	13.000.000.000	30.000.000.000
	- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	13.000.000.000	30.000.000.000
	<b>Cộng</b>	<b>20.234.941.727</b>	<b>44.176.523.011</b>

Tiền gửi ngân hàng tại ngày kết thúc năm không bị phong tỏa để đảm bảo cho vay.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a Chứng khoán kinh doanh

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>	<b>33.835</b>	<b>16.199</b>	<b>(17.636)</b>	<b>7.742.307.327</b>	<b>5.760.911.174</b>	<b>(1.981.396.153)</b>
- Các công ty khác	33.835	16.199	(17.636)	7.742.307.327	5.760.911.174	(1.981.396.153)
<b>Cộng</b>	<b>33.835</b>	<b>16.199</b>	<b>(17.636)</b>	<b>7.742.307.327</b>	<b>5.760.911.174</b>	<b>(1.981.396.153)</b>

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

Trong năm, Tập đoàn đã chuyển nhượng tất cả các cổ phiếu và chấm dứt hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(1.981.396.153)	(689.727.000)
Trích lập dự phòng	(984.206.881)	(2.540.126.054)
Hoàn nhập dự phòng	2.965.585.398	1.248.456.901
<b>Số cuối năm</b>	<b>(17.636)</b>	<b>(1.981.396.153)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn không có Chứng khoán kinh doanh được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**2b Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>87.755.397.996</b>	<b>87.755.397.996</b>	<b>94.380.000.000</b>	<b>94.380.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	86.800.000.000	86.800.000.000	94.380.000.000	94.380.000.000
Lãi ký quỹ nhập gốc	955.397.996	955.397.996	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>87.755.397.996</b>	<b>87.755.397.996</b>	<b>94.380.000.000</b>	<b>94.380.000.000</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được sử dụng cầm cố với giá trị 11.000.000.000 VND để bảo đảm cho khoản vay thấu chi của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn (xem thuyết minh số V.22).

**2c Đầu tư vào công ty liên kết**

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn <sup>(1)</sup>	52.500.040.000	(1.064.252.763)	51.435.787.237	52.500.040.000	(3.196.810.713)	49.303.229.287
<b>Cộng</b>	<b>52.500.040.000</b>	<b>(1.064.252.763)</b>	<b>51.435.787.237</b>	<b>52.500.040.000</b>	<b>(3.196.810.713)</b>	<b>49.303.229.287</b>

<sup>(1)</sup> Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312789319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 05 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 19 tháng 01 năm 2018 về việc tăng vốn điều lệ. Công ty đầu tư vào Công ty với số tiền 52.500.040.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ (số đầu năm là 52.500.040.000 VND, tương đương 35,00% vốn điều lệ).

Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn	49.303.229.287	2.132.557.950	51.435.787.237
<b>Cộng</b>	<b>49.303.229.287</b>	<b>2.132.557.950</b>	<b>51.435.787.237</b>

**Tình hình hoạt động của các công ty liên kết**

Trong năm Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Hóc Môn hoạt động kinh doanh có lợi nhuận nhưng vẫn còn lỗ lũy kế.



**Giao dịch với các công ty liên kết**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng	607.880.000	537.700.000
Thu tiền bán hàng	(607.880.000)	(537.700.000)

**Cam kết góp vốn**

Tập đoàn không có cam kết góp vốn đầu tư vào công ty liên kết.

Tập đoàn không có khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

**2d Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Công ty CP Bất động sản Bến Thành Đức Khải	878.238.342 (878.238.342)	-	-	878.238.342 (800.000.000)	78.238.342
<b>Cộng</b>	<b>878.238.342 (878.238.342)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>878.238.342 (800.000.000)</b>	<b>78.238.342</b>

Công ty đầu tư vào Công ty với số tiền 878.238.342 VND, tương đương 8,4% vốn điều lệ (số đầu năm là 878.238.342 VND, tương đương 8,4% vốn điều lệ). Công ty đang làm thủ tục giải thể theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông công ty Cổ phần Bất động sản Bến Thành Đức Khải số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ-BTĐK ngày 03 tháng 01 năm 2014.

Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý. Do đó, Công ty xác định Giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng.

**Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(800.000.000)	(800.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(78.238.342)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(878.238.342)</b>	<b>(800.000.000)</b>

**Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh:**

Tập đoàn không phát sinh khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

**Cam kết góp vốn**

Tập đoàn không có cam kết góp vốn đầu tư vào công ty khác.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>2.459.662.680</b>	<b>55.708.565.460</b>
Các khách hàng của khối văn phòng công ty	1.936.189.400	53.454.369.692
- Công ty CP Transimex	713.600.000	1.417.600.000
- Các khách hàng của khu chợ thịt	15.400.000	311.708.182
- Các khách hàng khác của khối văn phòng	1.207.189.400	51.725.061.510
Các khách hàng của CHXD bán lẻ	523.473.280	2.165.976.768
- Các khách hàng khác	-	88.219.000
<b>Cộng</b>	<b>2.459.662.680</b>	<b>55.708.565.460</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn không có các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Các giao dịch bán hàng trọng yếu phát sinh trong năm:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH TM Huy Long</b>	-	-
Bán hàng hoá	394.314.920.000	237.015.040.000
Thu tiền bán hàng hoá	392.057.000.000	226.385.000.000
Bù trừ công nợ	2.257.920.000	10.630.040.000
<b>Công ty TNHH TM – DV Long Hưng</b>	-	-
Bán hàng hoá	527.723.500.000	1.103.677.500.000
Thu tiền bán hàng hoá	527.723.500.000	1.103.677.500.000

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>10.124.445.892</b>	<b>6.789.575.265</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư XD An Phước Thịnh	9.766.344.892	6.139.656.800
Các nhà cung cấp khác	358.101.000	649.918.465
<b>Cộng</b>	<b>10.124.445.892</b>	<b>6.789.575.265</b>



**5. Phải thu khác**

**5a Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>4.779.178.015</b>	-	<b>3.164.839.795</b>	<b>28.100.000</b>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.357.721.005	-	2.867.446.109	-
Ký cược, ký quỹ	12.000.000	-	12.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Công ích Hóc Môn	12.000.000	-	12.000.000	-
Các khoản phải thu khác	409.457.010	-	285.393.686	28.100.000
<b>Cộng</b>	<b>4.779.178.015</b>	-	<b>3.164.839.795</b>	<b>28.100.000</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

**5b Phải thu dài hạn khác**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	-	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	7.248.541.171	-	14.497.082.342	-
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM <sup>(*)</sup>	7.248.541.171	-	14.497.082.342	-
<b>Cộng</b>	<b>7.248.541.171</b>	-	<b>14.497.082.342</b>	-

<sup>(\*)</sup> Đây là khoản ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

## 6. Nợ xấu

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	-	-	28.100.000	-
Quá hạn từ 06 tháng – 01 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 01 năm – 02 năm	-	-	-	-
Quá hạn từ 02 năm – 03 năm	-	-	-	-
Quá hạn trên 03 năm	-	-	28.100.000	-
Phải thu tiền bán hàng	-	-	28.100.000	-
- Trạm thu mua heo	-	-	22.000.000	-
- Võ Văn Tường	-	-	6.100.000	-
<b>Cộng</b>	-	-	<b>28.100.000</b>	-

(\*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(28.100.000)	-	(28.100.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng (*)	28.100.000	-	28.100.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Hoàn nhập do thu được nợ khó đòi

## 7. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự Phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.540.000	-	237.000	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa (*)	7.464.450.955	(45.051.429)	5.946.841.643	(45.051.429)
<b>Cộng</b>	<b>7.465.990.955</b>	<b>(45.051.429)</b>	<b>5.947.078.643</b>	<b>(45.051.429)</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



(<sup>1</sup>) Chủ yếu là xăng, dầu và nhớt các loại còn tồn kho.

Tập đoàn đã lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(45.051.429)	(45.051.429)
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự Phòng	-	-
Số cuối năm	(45.051.429)	(45.051.429)

## 8. Chi phí trả trước

### 8a Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi tiết		
Công cụ dụng cụ	94.042.374	385.605.271
Chi phí sửa chữa	664.786.915	476.949.863
Chi phí bảo hiểm	165.058.252	163.310.784
Chi phí trả trước khác	373.179.216	167.430.341
<b>Cộng</b>	<b>1.297.066.757</b>	<b>1.193.296.259</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi tiết		
Số đầu năm	1.193.296.259	422.891.474
Tăng trong năm	3.660.730.245	4.432.608.920
Phân bổ trong năm	(3.556.959.747)	(3.662.204.135)
Số cuối năm	1.297.066.757	1.193.296.259

**8b Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa <sup>(1)</sup>	1.141.832.166	3.647.482.151
Phí thuê đất trạm cung cấp nước sạch <sup>(2)</sup>	4.437.318.556	4.534.486.120
Thuê mặt bằng cửa hàng xăng dầu số 3 Đông Thạnh	160.760.000	387.440.000
Chi phí in vé nhập chợ các loại	201.884.500	205.533.500
Chi phí trả trước khác	169.784.284	235.667.231
<b>Cộng</b>	<b>6.111.579.506</b>	<b>9.010.609.002</b>

<sup>(1)</sup> Là chi phí sửa chữa Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Hóc Môn.

<sup>(2)</sup> Thời gian phân bổ là năm mươi (50) năm được quy định tại Văn bản thỏa thuận ngày 24 tháng 08 năm 2015.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.010.609.002	10.398.268.020
Tăng trong năm	360.900.000	2.064.867.759
Phân bổ trong năm	(3.259.929.496)	(3.452.526.777)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.111.579.506</b>	<b>9.010.609.002</b>



## 9. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	19.688.753.984	9.726.147.636	2.613.904.758	261.210.950	32.290.017.328
2. Tăng trong năm	1.377.680.000	-	864.729.455	-	2.242.409.455
Mua trong năm	-	-	864.729.455	-	864.729.455
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.377.680.000	-	-	-	1.377.680.000
3. Giảm trong năm	(196.715.455)	-	(288.867.273)	-	(485.582.728)
Giảm do thanh lý	(196.715.455)	-	(288.867.273)	-	(485.582.728)
4. Số cuối năm	20.869.718.529	9.726.147.636	3.189.766.940	261.210.950	34.046.844.055
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.784.572.318	5.250.037.160	1.975.104.358	40.081.760	16.049.795.596
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Số đầu năm	13.036.111.248	6.060.399.071	2.567.701.732	139.531.379	21.803.743.430
2. Tăng trong năm	1.360.362.003	545.284.702	117.991.448	57.491.184	2.081.129.337
Khấu hao trong năm	1.360.362.003	545.284.702	117.991.448	57.491.184	2.081.129.337
3. Giảm trong năm	(196.715.455)	-	(288.867.273)	-	(485.582.728)
Giảm do thanh lý	(196.715.455)	-	(288.867.273)	-	(485.582.728)
4. Số cuối năm	14.199.757.796	6.605.683.773	2.396.825.907	197.022.563	23.399.290.039
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	6.652.642.736	3.665.748.565	46.203.026	121.679.571	10.486.273.898
2. Tại ngày cuối năm	6.669.960.733	3.120.463.863	792.941.033	64.188.387	10.647.554.016
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Trong đó:

- Tập đoàn không có tài sản nào dùng để thế chấp đảm bảo vay.
- Tập đoàn không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

**10. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
1. Số đầu năm	16.210.028.034	16.210.028.034
2. Tăng trong năm	16.455.761.500	16.455.761.500
Xây dựng cơ bản hoàn thành	16.455.761.500	16.455.761.500
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	32.665.789.534	32.665.789.534
Trong đó:		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
<b>II. Giá trị hao mòn</b>		
1. Số đầu năm	2.604.005.034	2.604.005.034
2. Tăng trong năm	321.021.828	321.021.828
Khấu hao trong năm	321.021.828	321.021.828
3. Giảm trong năm	-	-
4. Số cuối năm	2.925.026.862	2.925.026.862
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Tại ngày đầu năm	13.606.023.000	13.606.023.000
2. Tại ngày cuối năm	29.740.762.672	29.740.762.672
Trong đó:		
Tạm thời chưa sử dụng	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-

Trong đó:

- Tập đoàn không có tài sản nào dùng để thế chấp đảm bảo vay.
- Tập đoàn không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

(\*) Các Quyền sử dụng đất như sau:

- Mặt bằng 1/6 Quốc lộ 22, thị trấn Hóc Môn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 380037 cấp ngày 12 tháng 6 năm 2012 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp, thời hạn sử dụng đến ngày 04 tháng 7 năm 2061
- Mặt bằng sau nhà hàng Hương Cau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 180303 cấp ngày 11 tháng 10 năm 2002 do Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cấp, thời hạn sử dụng 20 năm.
- Mặt bằng 1/2 Quốc lộ 22, ấp Chánh, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 380199 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2013 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp, thời hạn sử dụng lâu dài.



– Mặt bằng số 88 Bà Triệu, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 474755 cấp ngày 27 tháng 8 năm 2014 do Sở Tài Nguyên và Môi trường Tp.HCM cấp, thời hạn sử dụng đến ngày 24 tháng 4 năm 2064.

– Thửa đất số 507, tờ bản đồ số 24, thị trấn Hóc Môn, huyện Hóc Môn: giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CH00335 cấp ngày 16 tháng 05 năm 2019 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, thửa đất số 507, tờ bản đồ số 24, diện tích 628,50 m<sup>2</sup> (trong đó 508,3 m<sup>2</sup> là đất ở đô thị, ổn định lâu dài; 120,2 m<sup>2</sup> là đất trồng lúa có thời hạn đến 24 tháng 11 năm 2018).

## 11. Bất động sản đầu tư

### Bất động sản đầu tư cho thuê

Chỉ tiêu	Nhà lồng chợ thịt	Nhà lồng chợ rau	Kho mát	Cơ sở hạ tầng	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số đầu năm	7.512.905.862	13.161.237.343	2.109.255.380	40.095.254.516	62.878.653.101
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	7.512.905.862	13.161.237.343	2.109.255.380	40.095.254.516	62.878.653.101
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	2.109.255.380	488.023.401	2.597.278.781
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Số đầu năm	3.355.764.636	7.677.388.442	2.109.255.380	21.690.999.028	34.833.407.486
2. Tăng trong năm	300.516.240	526.449.492	-	395.867.856	1.222.833.588
Khấu hao trong năm	300.516.240	526.449.492	-	395.867.856	1.222.833.588
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	3.656.280.876	8.203.837.934	2.109.255.380	22.086.866.884	36.056.241.074
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	4.157.141.226	5.483.848.901	-	18.404.255.488	28.045.245.615
2. Tại ngày cuối năm	3.856.624.986	4.957.399.409	-	18.008.387.632	26.822.412.027

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Dự án Chợ Đầu mối Nông sản Hóc môn đã được quyết toán theo Quyết định số 4942/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2014 do UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Tập đoàn không có bất động sản đầu tư đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.



Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	20.915.063.666	13.253.914.788
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	(1.240.098.963)	(1.236.865.885)
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê		
<b>Số cuối năm</b>	<b>19.674.964.703</b>	<b>12.017.048.903</b>

**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án Khu nhà ở Xuân Thới Đông <sup>(1)</sup>	189.601.405.337	189.601.405.337	179.365.363.046	179.365.363.046
Dự án Trung tâm Thương mại <sup>(2)</sup>	18.181.818.182	18.181.818.182	18.181.818.182	18.181.818.182
Dự án Khu dân cư Tân Xuân	994.199.247	994.199.247	2.151.225.046	2.151.225.046
<b>Cộng</b>	<b>208.777.422.766</b>	<b>208.777.422.766</b>	<b>199.698.406.274</b>	<b>199.698.406.274</b>

<sup>(1)</sup> Theo Quyết định số 2815/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận Công ty làm chủ đầu tư của dự án Khu nhà ở tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Tp.HCM thì Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn được công nhận làm chủ đầu tư dự án Khu nhà ở với diện tích là 42.944,9 m<sup>2</sup> tại xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn; Ngày 18 tháng 01 năm 2019 Công ty đã được Sở Xây dựng Tp.HCM cấp Giấy phép xây dựng số 09/GPXD về việc được phép xây dựng công trình Hạ tầng kỹ thuật tại dự án Khu nhà ở xã Xuân Thới Đông.

<sup>(2)</sup> Là chi phí nhận chuyển nhượng tầng 4 tại Trung tâm Thương mại Hóc Môn theo hợp đồng chuyển nhượng số 08/2016/HĐMBKTDV-HM ký ngày 23 tháng 03 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn và Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân. Đến nay, Công ty Cổ phần Tư vấn Thương mại Dịch vụ Địa Ốc Hoàng Quân chưa bàn giao tầng 4 cho công ty, hai bên đang trao đổi về việc thực hiện hợp đồng này và các vấn đề có liên quan.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi tiết	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	16.455.091.500	-	(16.455.091.500)	-
Chi phí chuyển nhượng QSDĐ	16.455.091.500	-	(16.455.091.500)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	1.417.680.000	(1.377.680.000)	40.000.000
XD Văn phòng mới	-	1.417.680.000	(1.377.680.000)	40.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.455.091.500</b>	<b>1.417.680.000</b>	<b>(17.832.771.500)</b>	<b>40.000.000</b>



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn không thể chấp, cầm cố công trình xây dựng dở dang để đảm bảo cho các khoản vay.

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm với số tiền 0 VND.

#### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã tạm nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng Bất động sản tại dự án Khu nhà ở Xuân Thới Đông theo quy định tại thông tư 78/2014/TT- BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế TNDN phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

#### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	<i>6.583.355.234</i>	<i>63.290.710.954</i>
Công ty Cp Tư vấn TM DV Địa ốc Hoàng Quân	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Huy Long	462.970.000	7.552.390.000
Các nhà cung cấp khác	1.120.385.234	50.738.320.954
<b>Cộng</b>	<b>6.583.355.234</b>	<b>63.290.710.954</b>

Tập đoàn không có số nợ quá hạn chưa thanh toán.

Các giao dịch mua hàng trọng yếu phát sinh trong năm:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH TM Huy Long</i>	-	-
Mua hàng hoá	1.126.375.500.000	1.730.108.300.000
Trả tiền mua hàng hoá	1.131.207.000.000	1.712.527.500.000
Bù trừ công nợ	2.257.920.000	10.630.040.000
<i>Công ty TNHH TM – DV Long Hưng</i>	-	-
Mua hàng hoá	512.420.178.490	562.693.349.435
Trả tiền mua hàng hoá	560.500.356.200	514.613.171.725

#### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	<i>42.341.050</i>	<i>33.801.050</i>
Các khách hàng chuyển nhượng QSDĐ	30.888.700	30.888.700
Các khách hàng khác	11.452.350	2.912.350
<b>Cộng</b>	<b>42.341.050</b>	<b>33.801.050</b>

## 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	1.185.561.744	13.384.650.192	(13.354.394.143)	-	1.215.817.793
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	251.748	(251.748)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.298.958.522	2.246.931.051	10.122.272.299	(10.555.765.206)	840.260.863	1.818.413.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh	-	2.246.931.051	9.291.961.454	(9.720.479.352)	-	1.818.413.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	835.285.854	-	830.310.845	(835.285.854)	840.260.863	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.580.970	434.262.147	2.583.771.872	(2.414.411.098)	10.580.970	434.262.147
Thuế thu nhập cá nhân (tiền lương tiền công)	10.580.970	350.716.197	2.156.889.257	(1.986.250.348)	10.580.970	350.716.197
Thuế thu nhập cá nhân (Đầu tư vốn)	-	83.545.950	426.882.615	(428.160.750)	-	82.267.815
Thuế nhà đất	-	-	69.496.243	(69.496.243)	-	-
Tiền thuê đất	-	37.857.524	840.930.426	(878.787.950)	-	-
Thuế tài nguyên	-	5.373.225	58.349.765	(62.155.130)	-	5.373.225
Các khoản phải nộp khác	463.672.668	-	58.843.652	(58.843.652)	463.672.668	-
<b>Cộng</b>	<b>1.309.539.492</b>	<b>3.909.985.691</b>	<b>27.118.566.197</b>	<b>(27.394.105.170)</b>	<b>1.303.933.531</b>	<b>3.628.840.757</b>

### Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh karaoke với thuế suất 30%.

### Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Công ty đã tạm nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng Bất động sản tại dự án Khu nhà ở Xuân Thới Đông theo quy định tại thông tư



78/2014/TT- BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế TNDN phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo qui định tại hợp đồng thuê.

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**18. Phải trả người lao động**

Quỹ lương được trích trên cơ sở theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 51/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019. Theo Nghị quyết này, tổng quỹ tiền lương trong năm tài chính của công ty được xác định theo công thức : (tổng thu-tổng chi chưa lương) x 50%.

Quỹ lương thực hiện công ty con được trích 67% x (tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa lương).

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	12.577.679.847	11.911.507.038
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	12.577.679.847	11.911.507.038

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	147.596.210	281.204.299
Phí kiểm toán báo cáo tài chính	99.000.000	160.000.000
Trích trước chi phí lãi vay	48.596.210	121.204.299
Cộng	147.596.210	281.204.299

**20. Doanh thu chưa thực hiện**

**20a Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	116.050.001	232.854.542
Tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	116.050.001	232.854.542
Cho thuê mặt bằng chợ	900.000	85.454.543
Kho mát	95.900.000	95.900.000
Khu pha lọc	-	32.727.272
Chợ thịt	14.000.000	14.000.000
Hầm đất	5.250.001	4.772.727
<b>Cộng</b>	<b>116.050.001</b>	<b>232.854.542</b>

**20b Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	102.815.312.470	102.062.462.238
Tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	102.815.312.470	102.062.462.238
Chợ rau	54.749.712.218	56.351.804.618
Chợ thịt	28.669.516.724	29.423.151.056
Kios	17.631.108.908	14.483.953.264
Căn tin	1.764.974.620	1.803.553.300
<b>Cộng</b>	<b>102.815.312.470</b>	<b>102.062.462.238</b>

**20c Hợp đồng có khả năng không thực hiện được**

Công ty không có Hợp đồng có khả năng không thực hiện được.



**21. Phải trả khác**

**21a Phải trả ngắn hạn khác**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	360.303.762	4.248.418.210
Cổ tức	-	3.211.454.050
Tài sản thừa chờ giải quyết	56.117.999	56.117.999
Kinh phí công đoàn	15.218.052	15.218.052
Bảo hiểm xã hội	3.907.100	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	285.060.611	965.628.109
<b>Cộng</b>	<b>360.303.762</b>	<b>4.248.418.210</b>

**21b Phải trả dài hạn khác**

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	53.459.726.833	46.974.526.833
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.480.200.000	1.225.000.000
Công ty TNHH MTV ĐT XD An Thuận Thịnh	2.645.200.000	-
Các đối tượng khác	835.000.000	1.225.000.000
Đăng ký quyền mua sản phẩm tại dự án Xuân Thới Đông <sup>(*)</sup>	49.687.911.000	45.437.911.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	291.615.833	311.615.833
<b>Cộng</b>	<b>53.459.726.833</b>	<b>46.974.526.833</b>

(\*) Là khoản tiền nhận đặt cọc của các cá nhân đăng ký quyền mua sản phẩm Dự án Khu Nhà ở tại xã Xuân Thới Đông.

**22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>29.480.800.000</b>	<b>29.480.800.000</b>	<b>72.041.000.000</b>	<b>72.041.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn (*)	29.480.800.000	29.480.800.000	72.041.000.000	72.041.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.480.800.000</b>	<b>29.480.800.000</b>	<b>72.041.000.000</b>	<b>72.041.000.000</b>

(\*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2019/7621334/HĐTD ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn.

- Hạn mức tín dụng: 90.000.000.000 đồng
- Số tiền vay phải trả đến 31/12/2019: 29.480.800.000 đồng
- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC.
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 17 tháng 12 năm 2020
- Thời hạn cho vay/ bảo lãnh, LC, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng, bảo lãnh, LC cụ thể
- Tài sản đảm bảo: Tín chấp.

Và khoản vay thấu chi theo Hợp đồng thấu chi số 03/2019/7621334/HĐTC ngày 18 tháng 10 năm 2019, chi tiết như sau:

- Giá trị hạn mức thấu chi: 11.000.000.000 đồng
- Mục đích thấu chi: Bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán, hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo tính mùa vụ.
- Thời hạn thấu chi: Được duy trì trạng thái âm (-) liên tục tối đa 59 ngày và phải nằm trong thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi. Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi đến hết ngày 04 tháng 5 năm 2020.
- Lãi suất thấu chi: 7,5%/ năm và được điều chỉnh 03 tháng/ lần theo thông báo của ngân hàng.
- Tài sản đảm bảo: Cầm cố các hợp đồng tiền gửi theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/7621334/HĐBĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019. Chi tiết như sau:

Số HĐ tiền gửi	Chủ sở hữu	Tài khoản	Giá trị	Lãi suất	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
01.2019/HĐTG .318.7621334	Công ty CP TM Hóc Môn	31810000274457	11.000.000.000	7,5%	03/05/2019	03/05/2020



Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	72.041.000.000	843.306.077.004	(885.866.277.004)	29.480.800.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn	72.041.000.000	823.553.017.000	(866.113.217.000)	29.480.800.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn (thấu chi)	-	14.753.060.004	(14.753.060.004)	-
Ngân hàng TM TNHH MTV Shinhhan VN - CN Bắc SG	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>72.041.000.000</b>	<b>843.306.077.004</b>	<b>(885.866.277.004)</b>	<b>29.480.800.000</b>

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

### 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác <sup>(*)</sup>	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.903.417.865	5.091.109.585	77.870.000	(5.665.771.401)	1.406.626.049
Quỹ phúc lợi	1.176.355.610	2.844.891.198	-	(3.151.239.600)	870.007.208
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(196.000.000)	770.717.292	-	(574.717.292)	-
Quỹ hoạt động HĐQT	2.649.123.460	-	-	(245.000.000)	2.404.123.460
<b>Cộng</b>	<b>5.532.896.935</b>	<b>8.706.718.075</b>	<b>77.870.000</b>	<b>(9.636.728.293)</b>	<b>4.680.756.717</b>

(\*) Khoản tăng khác là tiền nhận khen thưởng từ Tổng Công ty Bến Thành và tiền khen thưởng của Ủy ban mặt trận tổ quốc VN.TP HCM, UBND TP HCM.

### 24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	639.362.143	(426.511.590)	212.850.553
<b>Cộng</b>	<b>639.362.143</b>	<b>(426.511.590)</b>	<b>212.850.553</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

**25. Vốn chủ sở hữu**

**25a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	110.000.000.000	77.121.012.133	32.016.436.939	219.137.449.072
Tăng trong năm trước	-	14.508.145.285	40.853.023.934	55.361.169.219
Giảm trong năm trước	-	-	(38.176.089.554)	(38.176.089.554)
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	110.000.000.000	91.629.157.418	34.693.371.319	236.322.528.737
Tăng trong năm	-	19.267.577.175	38.922.099.362	58.189.676.537
Giảm trong năm	-	-	(44.474.295.250)	(44.474.295.250)
Số dư cuối năm	110.000.000.000	110.896.734.593	29.141.175.431	250.037.910.024

**25b Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ đông nhà nước (*)	23,86	26.243.000.000	26.243.000.000
Cổ đông khác	76,14	83.757.000.000	83.757.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>110.000.000.000</b>

(\*) Cổ đông nhà nước là Tổng Công ty Bến Thành.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Điều lệ Công ty		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Cổ đông nhà nước	26.243.000.000	23,86	26.243.000.000	-
Cổ đông khác	83.757.000.000	76,14	83.757.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>110.000.000.000</b>	<b>-</b>



**25c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	110.000.000.000	105.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	5.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	110.000.000.000	110.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.500.000.000	14.300.000.000

**25d Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.000.000	11.000.000
Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.000.000	11.000.000
Cổ phiếu phổ thông	11.000.000	11.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**25e Các quỹ của doanh nghiệp**

**Quỹ đầu tư phát triển**

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ khó đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu;
- Bỏ sung vốn điều lệ cho Công ty;
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

**Quỹ khen thưởng**

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- Thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong Công ty;
- Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**Quỹ phúc lợi**

- Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội;
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

**25f Phân phối lợi nhuận**

Số dư đầu năm		34.693.371.319
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		38.922.099.362
Phân phối trong năm:		(44.474.295.250)
- Quỹ khen thưởng	5.091.109.585	
- Quỹ phúc lợi	2.844.891.198	
- Quỹ thưởng Ban Điều hành	770.717.292	
- Quỹ đầu tư phát triển	19.267.577.175	
- Chia cổ tức cho các cổ đông	16.500.000.000	
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>		<b>29.141.175.431</b>

Lợi nhuận phân phối trong năm, Công ty căn cứ vào Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 51/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019.

**26. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	12.510.497.370	12.510.497.370
Nguồn kinh phí được cấp	-	-
Số khấu hao	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.510.497.370</b>	<b>12.510.497.370</b>

**27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
Chi tiết	<u>Gốc ngoại tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Gốc ngoại tệ</u>	<u>VND</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	70.946.464	-	70.946.464	-
Ngoại tệ các loại (USD)	-	-	-	-



**Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Trần Văn Ri	-	66.058.436	-	66.058.436	Không thể thu hồi
Chi phí ủy thác xuất khẩu	-	1.360.278	-	1.360.278	Không thể thu hồi
Các khách hàng khác	-	3.527.750	-	3.527.750	Không thể thu hồi
<b>Cộng</b>		<b>70.946.464</b>		<b>70.946.464</b>	

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.743.840.661.801	2.329.369.802.883
Doanh thu dịch vụ Chợ	111.615.407.585	104.808.452.050
Doanh thu cho thuê tài sản	12.980.399.666	11.852.096.608
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống – karaoke	914.024.093	2.458.709.991
Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.751.186.026	-
<b>Cộng</b>	<b>1.875.101.679.171</b>	<b>2.448.489.061.532</b>

#### 1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, liên kết.

## 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thuế tiêu thụ đặc biệt	251.748	2.916.081
<b>Cộng</b>	<b>251.748</b>	<b>2.916.081</b>

## 3. Giá vốn hàng bán

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.708.644.227.201	2.284.485.898.697
Giá vốn của dịch vụ chợ đã cung cấp	36.825.957.967	34.476.546.202
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	454.886.219	1.182.524.508
Giá vốn của dịch vụ cho thuê tài sản	1.240.098.963	1.222.833.588
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	1.599.631.801	-
Giá trị hàng hóa hao hụt	1.707.388.084	1.673.993.316
<b>Cộng</b>	<b>1.750.472.190.235</b>	<b>2.323.041.796.311</b>

## 4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.653.343.956	8.465.615.264
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	71.960.374	370.595.640
Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.632.800	59.035.000
Doanh thu tài chính khác	12.621.296	51.166.337
<b>Cộng</b>	<b>9.772.558.426</b>	<b>8.946.412.241</b>

## 5. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.611.096.588	3.775.123.567
Dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	78.238.342	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	984.206.881	2.540.126.054
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.965.585.398)	(1.248.456.901)
Lỗ kinh doanh chứng khoán	3.189.774.681	924.018.643
Chi phí tài chính khác	8.042.145	9.715.738
<b>Cộng</b>	<b>4.905.773.239</b>	<b>6.000.527.101</b>



## 6. Chi phí bán hàng

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	30.732.729.479	30.520.772.583
Chi phí vật liệu, bao bì	381.427.440	395.159.388
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	427.332.961	450.882.020
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.954.862.965	1.952.685.985
Chi phí mua ngoài	8.714.526.702	7.424.478.357
Chi phí khác bằng tiền	1.310.822.233	840.298.075
<b>Cộng</b>	<b>43.521.701.780</b>	<b>41.584.276.408</b>

## 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	25.892.036.598	21.990.533.511
Chi phí vật liệu quản lý	246.648.594	212.778.115
Chi phí đồ dùng văn phòng	227.259.958	211.383.286
Chi phí khấu hao TSCĐ	447.288.200	344.098.179
Thuế, phí, lệ phí	931.563.307	(1.329.415.311)
Hoàn nhập dự phòng	(28.100.000)	-
Chi phí mua ngoài	6.071.749.262	4.487.674.923
Chi phí khác bằng tiền	5.882.691.189	6.723.696.240
<b>Cộng</b>	<b>39.671.137.108</b>	<b>32.640.748.943</b>

## 8. Thu nhập khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	80.454.545	7.718.182
Thu hồ sơ chuyển nhượng sạp	51.387.748	70.381.936
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	93.941.247	-
Thu nhập khác	4.128.080	4.532.693
<b>Cộng</b>	<b>229.911.620</b>	<b>82.632.811</b>

## 9. Chi phí khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính	6.300.000	29.284.002
Phạt vi phạm về thuế	25.864.722	222.688.103
Lỗi thanh lý TSCĐ	-	97.933.174
Các khoản chi phí khác	15.628.264	36.090.710
<b>Cộng</b>	<b>47.792.986</b>	<b>385.995.989</b>

## 10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.  
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>48.617.860.071</b>	<b>52.255.489.172</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.626.041.499	1.373.574.703
Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	1.660.674.299	1.432.609.703
Các khoản điều chỉnh giảm	(34.632.800)	(59.035.000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(34.632.800)	(59.035.000)
Thu nhập chịu thuế	50.243.901.570	53.629.063.875
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	50.243.901.570	53.629.063.875
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thu nhập chịu thuế suất Thuế TNDN 20%	10.048.780.314	55.235.420.454
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	10.048.780.314	10.725.812.775
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu <sup>(1)</sup>	73.491.985	355.381.147
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp 1% <sup>(2)</sup>	-	454.379.110
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>10.122.272.299</b>	<b>11.535.573.032</b>

<sup>(1)</sup> Là khoản truy thu thuế TNDN năm 2015-2018 của Công ty con theo Quyết định số 5763/QĐ-CT ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Cục Thuế TP Hồ Chí Minh

<sup>(2)</sup> Công ty đã tạm nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng Bất động sản tại dự án Khu nhà ở Xuân Thới Đông theo quy định tại thông tư



78/2014/TT- BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế TNDN phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(426.511.590)	(133.107.794)
<b>Cộng</b>	<b>(426.511.590)</b>	<b>(133.107.794)</b>

**12. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

**12a Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	38.922.099.362	40.853.023.934
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(8.545.532.946)	(8.706.718.075)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.545.532.946)	(8.706.718.075)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.376.566.416	32.146.305.859
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.000.000	11.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.762</b>	<b>2.922</b>

(\*) Công ty tạm ước tính Quỹ khen thưởng, phúc lợi cần trích từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 51/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 Các khoản tạm trích này sẽ được điều chỉnh lại theo số trích thực tế theo Nghị Quyết của Đại hội cổ đông năm 2019.

*Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.000.000	11.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
....	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>

**12b Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.376.566.416	32.146.305.859
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi...	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	30.376.566.416	32.146.305.859
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.000.000	11.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.762</b>	<b>2.922</b>

*Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:*

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.000.000	11.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
- Quyền chọn mua chứng quyền và các công cụ tương đương	-	-
- ...	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>11.000.000</b>	<b>11.000.000</b>

**13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi tiết		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.282.668.953	1.270.202.809
Chi phí nhân công	56.624.766.077	53.511.306.094
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.624.984.753	3.519.617.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.769.010.589	11.912.153.280
Chi phí khác bằng tiền	8.125.076.729	6.234.579.004
<b>Cộng</b>	<b>84.426.507.101</b>	<b>76.447.858.939</b>



## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Bù trừ công nợ	2.257.920.000	10.630.040.000
<b>Cộng</b>	<b>2.257.920.000</b>	<b>10.630.040.000</b>

### 2. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tập đoàn không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

### 3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường (xem thuyết minh số V.22)

### 4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường (xem thuyết minh số V.22)

## VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

### 1. Tài sản tiềm tàng

Tập đoàn không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Nợ tiềm tàng

Tập đoàn không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 0 VND (năm trước là 0 VND).

#### 4. Chi phí lãi vay vốn hoá

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh chi phí vốn hoá lãi vay.

#### 5. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 5a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Cam kết bảo lãnh*

Tập đoàn dùng tài sản để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Ngoài ra, các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (\*)*

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	6.526.453.112	6.080.638.356
Phụ cấp	1.359.258.480	1.521.443.095
Cổ tức	2.815.584.000	1.396.376.500
<b>Cộng</b>	<b>10.701.295.592</b>	<b>8.998.457.951</b>

(\*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.



**5b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn bao gồm:

- Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ,
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ông Lê Văn Mỹ	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn (công ty mẹ) và là Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý & Kinh doanh Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn (Công ty con)
Ông Tô Văn Liêm	Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Thương Mại Hóc Môn và Giám đốc bên Công ty CP Chế biến Thực phẩm Hóc Môn (Công ty liên kết).
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn (công ty mẹ) và là Giám đốc Công ty TNHH Quản lý & Kinh doanh Chợ đầu mối Nông sản Thực phẩm Hóc Môn (Công ty con)

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

**Cam kết bảo lãnh**

Tập đoàn dùng tài sản để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác

Ngoài ra, các bên liên quan khác không dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn.

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

## 6. Báo cáo theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

### 6a Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Hoạt động kinh doanh bất động sản	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.743.840.661.801	112.529.179.930	18.731.585.692	1.875.101.427.423
Giá vốn hàng bán	1.710.351.615.285	37.280.844.186	2.839.730.764	1.750.472.190.235
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.489.046.516	75.248.335.744	15.891.854.928	124.629.237.188
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.329.369.802.883	107.264.245.960	11.852.096.608	2.448.486.145.451
Giá vốn hàng bán	2.286.159.892.013	35.659.070.710	1.222.833.588	2.323.041.796.311
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.209.910.870	71.605.175.250	10.629.263.020	125.444.349.140

### 6b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Tập đoàn toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

## 7. Tài sản đảm bảo

### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty cầm cố một số khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hóc Môn (xem thuyết minh số V.2b và V.22). Giá trị sổ sách của tài sản cầm cố tại ngày kết thúc năm tài chính là 11.000.000.000 VND.

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.



**8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

**9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp.HCM, ngày 21 tháng 02 năm 2020.

Người lập biểu

LÂM NGỌC THỦY ĐAN

Kế toán trưởng

PHAN THỊ HỒNG PHÚC

Tổng Giám đốc



LÊ VĂN MỸ